TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 4 - 2024
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu.
2. Ông Trần Thanh Nam.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Thành M**, sinh năm 1995. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Yến N**, sinh năm 2005. *(có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Khu vực H, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Thành M trình bày:***

Vào tháng 6 năm 2023, do được mai mối nên anh và chị Huỳnh Thị Yến N đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới An theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống trong gia đình khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do chị N tự ý về nhà cha mẹ ruột và tụ tập bạn bè. Sau đó thì về gia đình anh, mẹ của anh có nói chị N muốn đi đâu phải báo trước với cha mẹ và không được tụ tập ăn nhậu thì chị N lớn tiếng quát nạt mẹ của anh. Đến ngày 15/11/2023, chị N đã tự ý gom quần áo bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay không về mặc dù anh có điện thoại kêu chị N

quay về chung sống nhưng chị N không đồng ý. Do cuộc hôn nhân không đi đến kết quả tốt đẹp nên anh yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**** Tại Bản tự khai ngày 02/4/2024, bị đơn chị Huỳnh Thị Yến N trình bày:***

Vào tháng 6/2023, do được mai mối nên chị và anh Bùi Thành M đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới An, quận Ô Môn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng. Đến khoảng tháng 11/2023, chị và anh M cùng nhau về nhà cha mẹ của chị để dự tiệc sinh nhật, do anh M nhậu xỉn nên mẹ của chị có điện thoại cho mẹ của anh M để xin cho chị và anh M ở lại hôm sau mới về nhưng mẹ của anh M không đồng ý nên chị và anh M đã về trong ngày hôm đó. Khi về đến nhà thì mẹ của anh M lớn tiếng chửi mắng chị, do nóng giận nên chị có to tiếng qua lại với mẹ của anh M, hôm sau mẹ của chị qua xin lỗi mẹ của anh M nhưng mẹ của anh M không bỏ qua mà còn đuổi chị đi. Do đó, chị đã về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh M không hề hàn gắn gì với chị mà còn nộp đơn để ly hôn. Nay chị cũng đồng ý ly hôn với anh M.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn anh Bùi Thành M có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị Yến N đồng ý ly hôn với anh M. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Bùi Thành M và chị Huỳnh Thị Yến N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, anh M khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Bùi Thành M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Anh M và chị N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2023 tại Ủy ban nhân dân phường Thới An, quận Ô Môn.

Anh M cho rằng vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do chị N tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột, khi mẹ của anh nhắc nhở thì chị N to tiếng với mẹ của anh. Sau đó, chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột để ở từ tháng 11 năm 2023 đến nay, anh có kêu chị N quay về chung sống nhưng chị N không đồng ý, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về phía chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra xuất phát từ việc vợ chồng cùng đi tiệc tại nhà cha mẹ ruột của chị, khi quay về thì bị mẹ của anh M chửi mắng và chị cũng có lớn tiếng với mẹ của anh M, sau đó mẹ của chị đã đến xin lỗi nhưng mẹ của anh M vẫn đuổi chị đi. Do đó, chị đã về nhà cha mẹ ruột để ở từ tháng 11 năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh M không có chủ động hàn gắn với chị.

Như vậy, cả anh M và chị N đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không hàn gắn được. anh M có yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh M đối với chị N là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh M và chị N cùng xác định trong thời gian chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị N cùng xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh M phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Thành M.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thành M được ly hôn với chị Huỳnh Thị Yến N.

2/ Về con chung: Anh Bùi Thành M và chị Huỳnh Thị Yến N cùng xác định không có.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Bùi Thành M và chị Huỳnh Thị Yến N cùng xác định không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Thành M phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Chuyển số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* anh M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004503 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Thới An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế